

QUY ĐỊNH VỀ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG

25 THÁNG 9 2018

(Ban hành kèm theo Quyết định số 409/QĐ-ĐHNT-QLĐT ngày 08 tháng 5 năm 2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại thương)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Quy định này là sự cụ thể hóa *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ* của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm: tổ chức đào tạo, kiểm tra và thi học phần, xét và công nhận tốt nghiệp.
2. Quy định này áp dụng đối với sinh viên các khóa đào tạo hệ chính quy ở trình độ đại học và cao đẳng trong Trường Đại học Ngoại thương thực hiện theo hình thức tích lũy tín chỉ.

Điều 2. Chương trình giáo dục đại học

1. Chương trình giáo dục đại học (sau đây gọi tắt là chương trình) thể hiện mục tiêu giáo dục đại học; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung

giáo dục đại học, phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả đào tạo đối với mỗi môn học, ngành học, trình độ đào tạo của giáo dục đại học.

2. Chương trình được Nhà trường xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Mỗi chương trình có thể gắn với một ngành (đơn ngành) hoặc với một vài ngành đào tạo (song ngành; ngành chính - ngành phụ; 2 văn bằng) được Hội đồng khoa học và đào tạo thông qua và Hiệu trưởng ký quyết định ban hành.

3. Chương trình được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp. Trong mỗi khối kiến thức gồm các học phần bắt buộc và các học phần tự chọn. Hiệu trưởng quy định các học phần bắt buộc và học phần tự chọn trong mỗi khối kiến thức, đảm bảo tính mềm dẻo của chương trình. Sinh viên lựa chọn các học phần tự chọn theo sự hướng dẫn của Trường, Khoa, Bộ môn chuyên ngành.

Điều 3. Học phần và tín chỉ

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ; nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và được phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần được ký hiệu bằng một mã riêng do Nhà trường quy định.
2. Các loại học phần:

3. a) Học phần bắt buộc là những học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy.
4. b) Học phần tự chọn là những học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc được lựa chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

- *Học phần tự chọn bắt buộc*: là học phần chứa đựng những mảng nội dung chính yếu của ngành hay chuyên ngành đào tạo, mà sinh viên bắt buộc phải chọn một số lượng xác định trong số nhiều học phần tương đương được quy định cho ngành hoặc chuyên ngành đó.

- *Học phần tự chọn tự do*: là học phần sinh viên có thể tự do đăng ký học hay không tùy theo nguyện vọng.

1. c) *Học phần tiên quyết*: là học phần mà sinh viên bắt buộc phải tích lũy trước khi đăng ký học học phần tiếp theo.
2. d) *Học phần tích lũy*: là học phần đã có kết quả cuối cùng của học phần đạt từ điểm 4 trở lên (theo thang điểm mười) hay những học phần được đánh giá A, B, C và D (theo thang điểm chữ). Tổng số tín chỉ của các học phần này tính từ lúc bắt đầu khóa học đến thời điểm xét, gọi là số tín chỉ tích lũy hay khối lượng kiến thức tích lũy.
3. e) *Học phần tương đương và học phần thay thế*

Học phần tương đương là một hay một nhóm học phần thuộc chương trình đào tạo của một khóa, ngành/chuyên ngành khác đang tổ chức đào tạo tại trường được phép tích lũy để thay cho một hay một nhóm học phần trong chương trình đào tạo của ngành/chuyên ngành

đào tạo. Học phần tương đương phải có nội dung giống ít nhất 80% và có số tín chỉ tương đương hoặc lớn hơn so với học phần xem xét.

Học phần thay thế được sử dụng thay thế cho một học phần có trong chương trình đào tạo nhưng nay không còn tổ chức giảng dạy nữa hoặc là một học phần tự chọn thay cho một học phần tự chọn khác mà sinh viên đã thi không đạt kết quả (bị điểm F).

Các học phần tương đương hay nhóm học phần tương đương hoặc thay thế do khoa quản lý chuyên môn đề xuất và là các phần bổ sung cho chương trình đào tạo trong quá trình thực hiện. Học phần tương đương hoặc thay thế được áp dụng cho tất cả các khóa, các ngành/chuyên ngành hoặc chỉ được áp dụng hạn chế cho một số khóa, ngành.

3. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc Khóa luận tốt nghiệp.

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

Hiệu trưởng quy định cụ thể số tiết, số giờ đối với từng học phần cho phù hợp với đặc điểm của Trường.

Một tiết học được tính bằng 50 phút.

4. 4. Đối với những chương trình, khối lượng của từng học phần đã được tính theo đơn vị học trình, thì 1,5 đơn vị học trình được quy đổi thành 1 tín chỉ.

Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy

Thời gian hoạt động giảng dạy thường xuyên hàng ngày của Nhà trường được tính từ 7 giờ hoặc sớm hơn đến 21 giờ và có thể bố trí cả vào thứ bảy, chủ nhật.

Tùy theo số lượng sinh viên, số lớp học cần tổ chức và tình trạng cơ sở vật chất của Nhà trường, Phòng Quản lý Đào tạo sắp xếp thời khóa biểu cho các lớp trong khoảng thời gian trên.

Điều 5. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các chỉ tiêu sau:

1. Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ đã được Trường chấp nhận (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký). Trong học kỳ, sinh viên bỏ học học phần nào đã đăng ký thì học phần đó coi như bị điểm 0.
2. Điểm các học phần được quy đổi về thang điểm chữ theo quy định tại Điều 22.
3. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.
4. Khối lượng kiến thức tích lũy tức là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A, B, C, D tính từ đầu khóa học.
5. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình chung của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B, C, D mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

Chương II

TỔ CHỨC QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 6. Thời gian và tổ chức đào tạo

1. Trường Đại học Ngoại thương tổ chức đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ.
2. a) Khóa học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể.

Tùy thuộc chương trình, khóa học được thiết kế như sau:

- Đào tạo trình độ cao đẳng được thực hiện trong ba năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp;
- Đào tạo trình độ đại học được thực hiện trong bốn năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp; một năm rưỡi đến 2 năm đối với người có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng ngành đào tạo.

1. b) Một năm học có hai học kỳ chính (sau đây gọi tắt là học kỳ), mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Ngoài hai học kỳ chính, sẽ tổ chức thêm một học kỳ phụ (mỗi học kỳ phụ có ít nhất 05 tuần thực học và 01 tuần thi) để sinh viên có các học phần bị đánh giá không đạt (điểm F) học lại, cũng như để sinh viên có nhu cầu cải thiện điểm ở các học kỳ chính học cải thiện điểm và sinh viên học giỏi có điều kiện học vượt nhằm kết thúc sớm chương trình đào tạo. Sinh viên đăng ký tham gia học kỳ phụ trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc.

Ngoài ra, còn một số tuần dành cho các hoạt động khác như học giáo dục quốc phòng, kiến tập, thực tập, nghỉ hè, nghỉ tết...

2. Căn cứ vào khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu quy định cho các chương trình, Hiệu trưởng phân bổ số học phần cho từng năm học, từng học kỳ.
3. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình bao gồm thời gian thiết kế cho chương trình quy định tại khoản 1 của Điều này cộng với 2 học kỳ đối với các khóa học dưới

3 năm; 4 học kỳ đối với các khóa học từ 3 đến dưới 5 năm. Tùy theo điều kiện đào tạo của Nhà trường, Hiệu trưởng quyết định mở rộng thời gian tối đa cho mỗi chương trình nhưng không được vượt quá hai lần so với thời gian thiết kế cho chính chương trình đó.

Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

Điều 7. Đăng ký nhập học

1. Khi đăng ký vào học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Ngoại thương sinh viên phải nộp các giấy tờ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Tất cả các giấy tờ của sinh viên phải được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân do Phòng Quản lý Đào tạo quản lý.
2. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, Phòng Quản lý Đào tạo trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận người đến học là sinh viên chính thức của Trường.
3. Phòng Quản lý Đào tạo lập mã số sinh viên và cấp cho mỗi sinh viên một mã số sinh viên riêng. Mã số này được sử dụng trong toàn bộ quá trình học tập tại Trường. Các đơn vị có liên quan sử dụng thống nhất mã số sinh viên này. Phòng Công tác chính trị và Sinh viên làm thẻ cho sinh viên trong thời hạn 4 tuần đầu của khóa học.
4. Nhà trường có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch đào tạo của các ngành/chuyên ngành; quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

Điều 8. Sắp xếp sinh viên vào học các chuyên ngành đào tạo

Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh, kết quả tuyển sinh hàng năm và nguyện vọng của thí sinh, Nhà trường tổ chức xếp chuyên ngành học cho thí sinh trúng tuyển đại học theo quy định của Trường.

Điều 9. Tổ chức lớp học

1. *Lớp sinh viên*

2. a) Lớp sinh viên là lớp được tổ chức từ đầu khóa học bao gồm những sinh viên cùng khóa học, cùng ngành hoặc chuyên ngành đào tạo. Mỗi lớp sinh viên có một mã số riêng và được bố trí 1 giáo viên chủ nhiệm/cố vấn học tập phụ trách.
3. b) Giáo viên chủ nhiệm lớp đồng thời đảm nhiệm vai trò cố vấn học tập cho sinh viên trong lớp về đào tạo như giúp đỡ sinh viên lập kế hoạch học tập trong từng học kỳ và kế hoạch cho toàn khóa học, tổ chức các hoạt động của lớp sinh viên.

4. *Lớp học phần*

5. a) Lớp học phần là lớp được tổ chức cho những sinh viên cùng học một học phần theo cùng thời khóa biểu, cùng giảng đường và được tổ chức dựa trên kết quả đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Mỗi lớp học phần được ký hiệu bằng một mã số riêng do Trường quy định.
6. b) Số sinh viên tối thiểu của mỗi lớp học phần do Hiệu trưởng quy định theo từng học kỳ, tùy theo điều kiện cụ thể của Trường. Nếu số lượng đăng ký ít hơn quy định, lớp học phần sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác cho đủ khối lượng kiến thức (số tín chỉ) tối thiểu đăng ký trong học kỳ.

Số sinh viên tối đa cho từng lớp học phần do Trường Phòng Quản lý Đào tạo đề nghị, Hiệu trưởng quyết định và được thông báo cụ thể khi đăng ký học.

1. c) Phòng Quản lý Đào tạo chỉ định cán sự lớp học phần gồm 01 lớp trưởng và 01 lớp phó ngay trong tuần đầu của học kỳ và thông báo trước lớp học phần; đồng thời gửi danh sách cán sự học phần về Khoa, Bộ môn chuyên ngành.

Cán sự lớp học phần là đại diện cho quyền lợi và trách nhiệm học tập của tập thể lớp học phần. Cán sự lớp học phần có nhiệm vụ làm đầu mối liên hệ giữa giảng viên và sinh viên của lớp học phần, thông báo tới lớp những vấn đề do giảng viên yêu cầu, phản ánh tình hình học tập của sinh viên cho giảng viên.

1. d) Khi lớp học phần đã chính thức bước vào học, tuyệt đối không được thay đổi phòng học, lịch học và giảng viên. Trường hợp đặc biệt phải được Ban Giám hiệu cho phép.

Điều 10. Đăng ký khối lượng học tập

1. Đầu mỗi năm học, Nhà trường sẽ thông báo lịch trình học dự kiến cho từng chương trình đào tạo trong từng học kỳ, dự kiến quy mô và số lớp học phần sẽ mở, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ giảng dạy, đề cương chi tiết và điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần dự kiến, dự kiến lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần.
2. Ở học kỳ 1 và 2 của khóa học, sinh viên học theo thời khóa biểu do Trường sắp xếp. Từ học kỳ 3 trở đi, trước khi bắt đầu mỗi học kỳ sinh viên đăng ký học các học phần trong học kỳ đó trên cơ sở thời khóa biểu chung của Trường, tiến trình học của chuyên ngành đang theo học và tùy theo khả năng, điều kiện học tập của mình.

Có 3 hình thức đăng ký các học phần sẽ học trong mỗi học kỳ: đăng ký sớm, đăng ký bình thường và đăng ký muộn.

1. a) Đăng ký sớm là hình thức đăng ký thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ khoảng 2 tháng trở lại.
2. b) Đăng ký bình thường là hình thức đăng ký thực hiện khoảng 2 tuần lễ trước thời điểm bắt đầu học kỳ.
3. c) Đăng ký muộn là hình thức đăng ký trong khoảng 2 tuần lễ đầu của mỗi học kỳ hoặc trong tuần lễ đầu của học kỳ phụ cho những sinh viên muốn đăng ký học thêm hoặc đăng ký học đổi sang học phần khác khi không có lớp.
4. Khối lượng học tập mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ chính được quy định như sau:
 5. a) Tối thiểu 15 tín chỉ cho mỗi học kỳ chính, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường.
 6. b) Tối thiểu 12 tín chỉ và tối đa 18 tín chỉ cho mỗi học kỳ chính, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu.

Các khoa, bộ môn chuyên ngành và trực tiếp là giáo viên chủ nhiệm/cố vấn học tập) hướng dẫn sinh viên nghiên cứu kỹ các quy định và các yêu cầu đối với từng học phần trước khi đăng ký.

4. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.
5. Phòng Quản lý Đào tạo chỉ nhận đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở mỗi học kỳ khi đã có sự chấp thuận của cố vấn học tập trong phiếu đăng ký học tập và chịu trách nhiệm lưu giữ phiếu này.
6. Phương thức đăng ký: Đăng ký trên máy tính có nối mạng hoặc đăng ký bằng phiếu hoặc kết hợp đăng ký bằng phiếu và đăng ký trên máy tính nối mạng. Mỗi đợt đăng

ký, Trường sẽ thông báo phương thức áp dụng cụ thể. Sinh viên phải thực hiện đúng lịch đăng ký học tập các học phần theo quy định của Trường đối với từng đối tượng cụ thể. Nếu đăng ký trên máy tính nối mạng, mỗi sinh viên có một tài khoản để thực hiện việc đăng ký học. Sinh viên phải có trách nhiệm bảo mật tài khoản của mình.

Điều 11. Rút bớt học phần sau khi đã đăng ký

1. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký chỉ được chấp nhận sau 6 tuần lễ kể từ đầu học kỳ và không được muộn quá 8 tuần lễ; hoặc là sau 2 tuần lễ nhưng không vượt quá 3 tuần lễ đầu của học kỳ phụ. Ngoài thời hạn trên học phần vẫn được giữ trong phiếu đăng ký học và nếu sinh viên không đi học sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F.

2. Điều kiện để sinh viên rút bớt các học phần đã đăng ký:

- Sinh viên phải tự viết đơn theo mẫu thống nhất gửi Phòng Quản lý Đào tạo;
- Phải được cố vấn học tập chấp thuận;
- Không vi phạm khoản 3 Điều 10 của Quy định này.

Sinh viên chỉ được phép bỏ lớp đối với học phần xin rút bớt sau khi có thông báo chấp thuận của Phòng Quản lý Đào tạo gửi giảng viên phụ trách học phần và sinh viên. Khi chưa có sự đồng ý của Phòng Quản lý Đào tạo mà sinh viên tự ý bỏ học thì phải nhận điểm F.

Điều 12. Đăng ký học lại

1. Sinh viên nào có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp sau cho đến khi đạt điểm A, B, C hoặc D. Số lần học lại

không hạn chế. Nếu môn học tương ứng không còn mở lớp (do chương trình giáo dục thay đổi), sinh viên phải đăng ký học lại và tích lũy các môn học thay thế theo danh mục đã được Trường công bố chính thức. Danh mục môn học thay thế do Trưởng khoa chuyên môn đề xuất và được Hiệu trưởng ra quyết định công bố chính thức.

2. Sinh viên nào có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng ký hoặc học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.
3. Ngoài các trường hợp ở khoản 1 và khoản 2 của Điều này, sinh viên cũng được phép đăng ký học lại đối với các học phần bị điểm D để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy cho mình. Kết quả cao nhất trong các lần học sẽ được chọn để tính vào điểm trung bình chung tích lũy. Điểm của tất cả các lần học được lưu đầy đủ trong kết quả học tập của sinh viên. Không giải quyết cho sinh viên có điểm học phần đã đạt loại A, B, C học lại.

Điều 13. Nghỉ đột xuất

Sinh viên xin nghỉ đột xuất do ốm hoặc lý do đặc biệt trong quá trình học hoặc trong đợt thi phải viết đơn xin phép kèm theo xác nhận cơ quan y tế hoặc cơ quan có thẩm quyền tới Phòng Quản lý Đào tạo trong vòng 3 ngày kể từ ngày nghỉ đột xuất, Nhà trường sẽ căn cứ vào điều kiện cụ thể để giải quyết.

Điều 14. Xếp năm đào tạo và học lực

1. Sau mỗi học kỳ căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy (đã học đạt từ điểm D trở lên), sinh viên được xếp năm đào tạo như sau:

Được coi là:

-
- Sinh viên năm thứ nhất: Nếu có khối lượng kiến thức tích lũy dưới 35 tín chỉ
-
- Sinh viên năm thứ hai: Nếu có khối lượng kiến thức tích lũy từ 35 tín chỉ đến dưới 70 tín chỉ.
-
- Sinh viên năm thứ ba: Nếu có khối lượng kiến thức tích lũy từ 70 tín chỉ đến dưới 105 tín chỉ.
-
- Sinh viên năm thứ tư: Nếu có khối lượng kiến thức tích lũy từ 105 tín chỉ trở lên.

2. Sau mỗi học kỳ sinh viên được xếp hạng về học lực thành 2 loại:

-
- Hạng bình thường: Nếu có điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên.
-
- Hạng yếu: Nếu có điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00 nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

3. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ để xếp hạng sinh viên về học lực.

Điều 15. Nghỉ học tạm thời

1. Sinh viên được quyền gửi đơn tới Hiệu trưởng thông qua (Phòng Quản lý Đào tạo) xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau đây:
 2. a) Được động viên vào các lực lượng vũ trang;

3. b) Bị ốm hoặc tai nạn buộc phải điều trị thời gian dài nhưng phải có giấy xác nhận của cơ quan y tế cấp quận, huyện trở lên;
4. c) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở Trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học quy định tại Điều 16 của Quy định này và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 2,00. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy định này.
5. Sinh viên thuộc diện nghỉ học tạm thời khi muốn trở lại học tiếp tại Trường phải nộp đơn xin tiếp tục học kèm theo quyết định cho nghỉ học tạm thời về Phòng Quản lý Đào tạo ít nhất 2 tuần trước khi học kỳ mới bắt đầu.

Điều 16. Cảnh báo kết quả học tập và bị buộc thôi học

1. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị cảnh báo kết quả học tập nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:
 2. a) Điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,8 đối với học kỳ đầu của khóa học; đạt dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo hoặc đạt dưới 1,10 đối với hai học kỳ liên tiếp (theo thang điểm 4);
 3. b) Có điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,2 đối với sinh viên năm thứ nhất; dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai; dưới 1,60 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với sinh viên năm cuối khóa.
4. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:
 5. a) Đã tự ý bỏ học từ một học kỳ chính trở lên;
 6. b) Bị cảnh báo kết quả học tập 2 học kỳ liên tiếp;

7. c) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường theo quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy định này;
8. d) Bị kỷ luật lần thứ hai vì vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 28 của Quy định này.
9. 3. Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, Nhà trường phải thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Những sinh viên thuộc các diện quy định tại các mục a, b và c khoản 1 Điều này được quyền đề nghị chuyển sang các chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn của trường và được xem xét bảo lưu các học phần đã tích lũy ở chương trình đào tạo cũ khi học ở các chương trình mới này. Hiệu trưởng quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 17. Học cùng lúc hai chương trình

1. Sinh viên học cùng lúc hai chương trình là sinh viên có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai tại trường đang học để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.
2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:
 3. a) Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất;
 4. b) Sau khi kết thúc học kỳ thứ nhất năm học đầu tiên của chương trình thứ nhất;
 5. c) Sinh viên không thuộc diện bị xếp hạng học lực yếu ở chương trình thứ nhất;
6. Sinh viên đang học thêm chương trình thứ hai nếu rơi vào diện bị xếp hạng học lực yếu của chương trình thứ hai thì phải dừng học thêm chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

7. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên đăng ký học đồng thời 2 chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất được quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy định này. Khi học chương trình thứ hai sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.
8. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.

Điều 18. Chuyển trường

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có đủ các điều kiện sau đây:
2. a) Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;
3. b) Xin chuyển đến trường có ngành đào tạo trùng hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học;
4. c) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.
5. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:
6. a) Sinh viên đã dự thi tuyển sinh nhưng không trúng tuyển hoặc có điểm thi thấp hơn điểm xét tuyển của trường xin chuyển đến trong trường hợp chung đề thi tuyển sinh;
7. b) Sinh viên có hộ khẩu thường trú nằm ngoài vùng tuyển của trường xin chuyển đến;
8. c) Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khóa;
9. d) Sinh viên đang chịu mức kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.
10. Thủ tục chuyển trường:

11. a) Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định thống nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
12. b) Hiệu trưởng quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận; quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến Trường được bảo lưu kết quả và số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

Chương III

KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN

Điều 19. Đánh giá học phần

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành:

Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm đánh giá phần thực hành, điểm chuyên cần, điểm thi giữa học phần, điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và phải có trọng số không dưới 50%.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do tổ bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

2. Các học phần thực hành:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Trung bình cộng điểm của các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm học phần loại này.

3. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận, trừ bài thi kết thúc học phần. Việc ra đề thi, tổ chức thi, chấm bài thi kết thúc học phần thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng.

Điều 20. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

1. Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức 1 kỳ thi kết thúc học phần. Phòng Quản lý Đào tạo lập kế hoạch thi, Khoa/Bộ môn tổ chức thi kết thúc các học phần do Khoa/Bộ môn phụ trách, Khoa/Bộ môn bố trí cán bộ coi thi. Mỗi phòng thi viết phải đảm bảo có 2 cán bộ coi thi trong đó ít nhất 1 cán bộ coi thi là giảng viên.
2. Thời gian dành cho ôn thi kết thúc học phần ít nhất là 2/3 ngày cho 1 tín chỉ. Hiệu trưởng quy định cụ thể thời gian dành cho ôn thi và thời gian thi cho các kỳ thi. Sinh viên tự sắp xếp thời gian ôn kiểm tra giữa học phần.

Điều 21. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi, số lần được dự thi kết thúc học phần

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng. Trưởng bộ môn phân công giảng viên ra đề thi và ký duyệt đề thi.
2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm trên giấy hoặc trên máy tính hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Hiệu trưởng duyệt các hình thức thi thích hợp cho từng học phần. Mỗi học phần chỉ có một bài thi kết thúc học phần.

3. Việc chấm thi kết thúc các học phần chỉ có lý thuyết và việc chấm tiểu luận, bài tập lớn phải do hai giảng viên đảm nhiệm.

Hiệu trưởng quy định việc bảo quản các bài thi, quy trình chấm thi và lưu giữ các bài thi sau khi chấm. Thời gian lưu giữ các bài thi viết, tiểu luận, bài tập lớn ít nhất là hai năm, kể từ ngày thi hoặc ngày nộp tiểu luận, bài tập lớn.

4. Thi vấn đáp kết thúc học phần phải do hai giảng viên thực hiện. Điểm thi vấn đáp được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Trong trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm chấm thì các giảng viên chấm thi trình Trưởng bộ môn hoặc Trưởng khoa quyết định.

Các điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của Trường, có chữ ký của cả hai giảng viên chấm thi và làm thành ba bản. Một bản lưu tại Bộ môn, một bản gửi về văn phòng khoa và một bản gửi về Phòng Quản lý Đào tạo của Trường chậm nhất một tuần sau khi kết thúc chấm thi học phần.

5. Số lần thi kết thúc học phần.

Nhà trường chỉ tổ chức một lần thi kết thúc học phần cho mỗi học phần.

Sinh viên xin hoãn thi phải có đơn gửi Phòng Quản lý Đào tạo. Căn cứ vào danh sách sinh viên và đơn xin hoãn thi, cán bộ coi thi có trách nhiệm ghi rõ các trường hợp vắng thi có lý do hay không có lý do vào danh sách sinh viên dự thi.

Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự thi một lần và phải nhận điểm 0 ở kỳ thi chính (thang điểm 10).

Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính, nếu được Phòng Quản lý Đào tạo cho phép, được dự thi ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có) hoặc dự thi tại kỳ thi kết thúc học phần ở học kỳ tiếp theo và được coi là thi lần đầu.

Điều 22. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) và được làm tròn đến một chữ số thập phân.
2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:
3. a) Loại đạt gồm:

A (8,5 - 10) Giỏi

B (7,0 - 8,4) Khá

C (5,5 - 6,9) Trung bình

D (4,0 - 5,4) Trung bình yếu

1. b) Loại không đạt:

F (dưới 4,0) Kém

1. c) Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X Chưa nhận được kết quả thi.

1. d) Đối với những học phần được nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá sử dụng ký hiệu R viết kèm với kết quả.
2. Việc xếp loại các mức điểm A, B, C, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:
3. a) Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp phải nhận điểm 0 do bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do;
4. b) Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên phụ trách học phần cho phép nợ;
5. c) Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.
6. Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như đã nêu ở khoản 3 Điều này còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi cử, có quyết định phải nhận mức điểm F.
7. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:
8. a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ sinh viên bị ốm nặng hoặc gặp tai nạn không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi, nhưng phải được giảng viên phụ trách học phần và Phòng Quản lý Đào tạo cho phép;
9. b) Sinh viên không thể tham gia kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do ngoài ý muốn, được giảng viên phụ trách học phần và Phòng Quản lý Đào tạo chấp nhận.

Trừ các trường hợp bất khả kháng do Hiệu trưởng quy định, trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp sinh viên nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp sinh viên chưa trả nợ và chưa được chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

6. Xếp loại theo mức điểm X đối với những học phần mà Phòng Quản lý Đào tạo của trường chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên từ khoa chuyển lên.

7. Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

8. a) Được đánh giá ở các mức điểm A, B, C, D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp sinh viên học vượt.

9. b) Những học phần được công nhận kết quả khi sinh viên chuyển đổi từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

Điều 23. Cách tính điểm trung bình chung

1. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy mức điểm chữ của mỗi học phần phải được Phòng Quản lý Đào tạo quy đổi qua điểm số như sau:

A tương ứng với 4

B tương ứng với 3

C tương ứng với 2

D tương ứng với 1

F tương ứng với 0

2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau, làm tròn đến hai chữ số thập phân:

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i là điểm của học phần thứ i

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i

n là tổng số học phần tính điểm chung bình chung

Điểm trung bình chung học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất (điểm theo thang điểm 10) với số tín chỉ đăng ký lớn hơn hoặc bằng số tín chỉ tối thiểu quy định cho 1 học kỳ của chương trình. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy dùng để xét cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học cũng như xếp hạng học lực, xếp hạng tốt nghiệp của sinh viên tính theo kết quả điểm học phần của lần học có điểm học phần cao nhất (điểm theo thang điểm chữ như quy định tại mục 1 Điều 23).

Điểm học phần trong học kỳ phụ được tính vào học kỳ chính trước đó và thay thế cho điểm đã có nếu kết quả cao hơn (kể cả học phần đã đạt và học lại để cải thiện).

Chương IV

XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 24. Học phần tốt nghiệp

1. Đầu học kỳ cuối khóa, sinh viên được đăng ký làm Khóa luận tốt nghiệp hoặc học thêm một số học phần chuyên môn theo quy định sau:
2. a) Làm Khóa luận tốt nghiệp: áp dụng cho các sinh viên có điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 7,0 trở lên (theo thang điểm 10) theo quy định của Trường. Khóa luận tốt nghiệp là học phần có khối lượng không vượt quá 14 tín chỉ cho đào tạo trình độ đại học và 5 tín chỉ cho trình độ cao đẳng. Hiệu trưởng quy định khối lượng cụ thể phù hợp với yêu cầu đào tạo của trường.

3. b) Học và thi một số học phần chuyên môn: Những sinh viên không đủ điều kiện hoặc không muốn làm Khóa luận tốt nghiệp phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn, nếu chưa tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình.
4. Hiệu trưởng quy định điều kiện, hình thức và thời gian làm Khóa luận tốt nghiệp cụ thể phù hợp với điều kiện của trường và đặc thù của từng chuyên ngành đào tạo.

Điều 25. Chấm Khóa luận tốt nghiệp

1. Hiệu trưởng quyết định danh sách giảng viên chấm Khóa luận tốt nghiệp theo đề nghị của Khoa/Bộ môn chuyên môn. Việc chấm mỗi Khóa luận tốt nghiệp phải do hai giảng viên đảm nhiệm. Kết quả chấm Khóa luận tốt nghiệp được công bố chậm nhất là 3 tuần, kể từ ngày nộp Khóa luận tốt nghiệp.
2. Khóa luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm chữ theo quy định tại các mục a và b, khoản 2, Điều 22 của Quy định này.

Điểm Khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.

3. Sinh viên có Khóa luận tốt nghiệp bị điểm F phải đăng ký làm lại Khóa luận tốt nghiệp; hoặc phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn để thay thế, sao cho tổng số tín chỉ của các học phần chuyên môn học thêm tương đương với số tín chỉ của Khóa luận tốt nghiệp.

Điều 26. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được trường xét và công nhận tốt nghiệp:

2. a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
3. b) Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo;
4. c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
5. d) Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính do Hiệu trưởng quy định (nếu có);
6. e) Có các chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất.
7. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 của Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Hội đồng xét tốt nghiệp do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền làm Chủ tịch, Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo làm Thư ký và có các thành viên là các Trưởng khoa chuyên môn, Trưởng phòng Công tác chính trị và Sinh viên.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Điều 27. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo

1. Bằng tốt nghiệp đại học được cấp theo ngành đào tạo chính (đơn ngành hoặc song ngành). Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học như sau:
 2. a) Loại xuất sắc: Đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 3,6 đến 4,0;
 3. b) Loại giỏi: Đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 3,2 đến 3,59;

4. c) Loại khá: Đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 2,5 đến 3,19;
5. d) Loại trung bình khá: Đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 2,2 đến 2,49;
6. e) Loại trung bình: Đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 2,0 đến 2,19.
7. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khóa loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu bị rơi vào một trong các trường hợp sau:
 8. a) Có khối lượng của các học phần phải học lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;
 9. b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.
10. Kết quả học tập toàn khóa của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm của sinh viên theo từng học phần với cả điểm học phần lần 1 và điểm học phần cao nhất (nếu có), điểm trung bình chung toàn khóa và xếp loại tốt nghiệp. Trong bảng điểm ghi rõ chuyên ngành (hướng chuyên sâu) hoặc ngành phụ (nếu có).
11. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định ở khoản 1 Điều 26 của Quy định này đối với một số chương trình tương ứng với các ngành đào tạo khác nhau, thì sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau theo các ngành đào tạo đó.
12. Những sinh viên còn nợ chứng chỉ giáo dục quốc phòng, chứng chỉ giáo dục thể chất nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.
13. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học và đạt trong chương trình của trường. Những sinh viên này nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển sang chương trình khác theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Quy định này.

Chương V

XỬ LÝ VI PHẠM VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên, cán bộ vi phạm các quy định về thi, kiểm tra

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần, chuẩn bị khóa luận nếu vi phạm Quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm.
2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ, đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 1 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.
3. *Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 của Điều này, tùy mức độ sai phạm mà khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên và cán bộ coi thi vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.*